

Bản án số: 19 /2018/DSPT
Ngày: 29/01/2018
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tư

Ông Nguyễn Văn Trường

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Sương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa
: Ông Huỳnh Văn Cường - Kiểm sát viên .

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2017/TLPT - DS, ngày 04/10/2017
về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 19 tháng 07 năm 2017
của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2018/QĐPT-DS,
ngày 11 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Phương T, sinh năm 1970 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Thế V, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 10, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Trần Thế V* là anh Lê
Văn T1, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (tờ ủy
quyền ngày 13/02/2017, có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn* là ông Phan Hữu
Trung- Luật sư của văn phòng luật sư Đông Thuận thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh
Long (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971 (vợ anh T, có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Phương Th1, sinh năm 1981 (vợ anh V, vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị Th1* là anh Lê Văn T1,
sinh năm 1988; Địa chỉ; ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (tờ ủy quyền
ngày 13/02/2017, có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Thảo* là ông Phan Hữu Trung- Luật sư của văn phòng luật sư Đông Thuận thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Cháu Trần Nhật Q, sinh năm 2003(con anh V – vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Q* là anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Phương Th1.

4.Cháu Trần Thị D, sinh năm 1993 (con anh T ,vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của cháu Th1* là ông Trần Phương T và bà Nguyễn Thị Th (từ ủy quyền ngày 13/11/2017).

5- Cháu Trần Lâm Triều A – sinh 2005 (con anh T).

- *Người đại diện theo hợp pháp theo pháp luật của cháu A* là ông Trần Phương T và bà Nguyễn Thị Th.

Tất cả cùng địa chỉ: tổ 10, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

6- Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có công văn xin vắng mặt ngày 23/11/2017) .

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Thế V là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Trần Phương T và bà Nguyễn Thị Th cùng đề ngày 28/11/2016 trình bày như sau:*

Vào tháng 9 năm 2009 vợ chồng anh T có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn R phần đất thửa 367, tờ bản đồ số 5, diện tích 300m² loại đất thổ cư, tọa lạc tại tổ 10, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và sử dụng liên tục cho đến đầu năm 2016 thì V lấn chiếm phần đất từ mé sông đến đường đal giao thông nông thôn có chiều ngang 4,7m chiều dài 5m không cho gia đình anh T sử dụng phần đất mé sông trong sinh hoạt hàng ngày. Anh T khởi kiện yêu cầu anh V, chị Th1 phải trả lại phần đất đã lấn chiếm 38,5m² để xây dựng bờ kè kiên cố hơn và sử dụng việc lên xuống mé sông sinh hoạt hàng ngày.

-*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Thế V trình bày như sau:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp 38,5m² là của ông Trần Văn R (là cha ruột của anh V và anh T). Phần đất này chưa được cấp quyền sử dụng đất , năm 2003 anh V có xây dựng bờ kè ngang 12,5m dài 8m . Đến năm 2009 anh V có xây dựng nhà trên một phần bờ kè, phần đất bờ kè còn lại thì anh T tranh chấp. Anh V không đồng ý trả đất theo yêu cầu của anh T. Anh V có ý kiến là đồng ý cho bên nguyên đơn cùng sử dụng chung , đề nghị giữ nguyên hiện trạng bờ kè.

- *Chị Nguyễn Thị Phương Th1 thống nhất lời trình bày của anh V, không ý kiến gì thêm.*

- *Tại Công văn số 41/UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T có ý kiến như sau :* Phần đất tranh chấp có diện tích 38,5m² thuộc đất sông, rạch. Ủy ban nhân dân xã T tạm giao cho hộ anh Trần Phương T sử dụng, nhưng không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào Nhà nước có nhu

cầu sử dụng thì hộ anh Tùng phải giao trả phần đất trên và sẽ không được bồi thường, hỗ trợ về phần đất này.

-*Tại Công văn số 435/UBND-NC ngày 17/5/2017 của Ủy Ban nhân dân thị xã B có ý kiến* : Phần đất tranh chấp 38,5m² có vị trí thuộc đất sông, rạch (sông Mỹ Thuận) do Nhà nước quản lý, không nằm trong thửa đất số 367 tờ bản đồ số 5 diện tích 300m², tọa lạc tại tổ 10, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long .

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 19 tháng 07 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 203,141 Luật đất đai năm 2013.

Xử:

- Bác yêu cầu của anh Trần Phương T và chị Nguyễn Thị Th đòi anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Phương Th1 trả lại quyền sử dụng đất mà anh T, chị Th cho rằng anh V, chị Thảo đã lấn chiếm phần đất giáp sông Mỹ Thuận, có diện tích 38,5m² đất tọa lạc tổ 10, ấp T, xã T thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Ghi nhận ý kiến của Ủy ban nhân dân xã T “ Đất tranh chấp có diện tích 38,5m² thuộc đất sông, rạch. Ủy ban nhân dân xã T tạm giao cho hộ anh Trần Phương T sử dụng, nhưng không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng thì hộ anh T phải giao trả phần đất trên và sẽ không được bồi thường, hỗ trợ về phần đất này.” Đất tọa lạc tổ 10, ấp T, xã T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long .

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản, về án phí sơ thẩm nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2017 bị đơn Trần Thế V kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh Trần Thế V được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp diện tích 38,5m² là phần đất bờ kè ngoài mé sông do anh Vinh đã quản lý sử dụng trên 15 năm, đất tọa lạc tổ 10, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 01/8/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung:

Phần đất tranh chấp 38,5m² theo công văn số 435/UBND-NC ngày 17/5/2017 của Ủy Ban nhân dân thị xã B xác định phần đất tranh chấp thuộc đất sông, rạch do Nhà nước quản lý, không nằm trong thửa đất số 367 tờ bản đồ số 5 của anh T và chị Th. Trên phần đất tranh chấp anh V và chị Th1 là người xây dựng bờ kè vào năm 2003, anh T cũng thừa nhận bờ kè là do vợ chồng anh V xây dựng, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết tài sản trên đất là bờ kè của bị đơn đã xây dựng mà tuyên tạm giao đất cho anh T là chưa giải quyết hết nội dung vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh V và chị Th1.

Bản án sơ thẩm tuyên bác yêu cầu của anh T nhưng lại “ Ghi nhận ý kiến của Ủy ban nhân dân xã T đất tranh chấp có diện tích 38,5m² thuộc đất sông, rạch. Ủy ban nhân dân xã T tạm giao cho hộ anh Trần Phương T sử dụng, nhưng không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng thì hộ anh T phải giao trả phần đất trên và sẽ không được bồi thường, hỗ trợ về phần đất này “ là không đúng với qui định của pháp luật về đất đai. Bởi lẽ phần đất tranh chấp là đất sông, rạch công cộng do Nhà nước quản lý. Theo qui định tại Điều 59 Luật đất đai 2013 qui định về thẩm quyền giao đất thì Ủy ban

nhân dân xã T không có thẩm quyền tạm giao đất cho anh T sử dụng. Do đó cần phải sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ bác yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phương T và chị Nguyễn Thị Th đòi anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Phương Th1 trả lại quyền sử dụng đất mà anh T, chị Th cho rằng anh V, chị Th1 đã lấn chiếm phần đất giáp sông Mỹ Thuận, có diện tích 38,5m² đất tọa lạc tổ 10, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Do vậy, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 19 tháng 07 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long về phần nội dung bản án là ghi nhận ý kiến của Ủy ban nhân dân xã T tạm giao phần đất tranh chấp có diện tích 38,5m² cho hộ anh Trần Phương T sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo là anh V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo được tiếp tục sử dụng 38,5 m² đất bờ kè, không có ý kiến gì đối với kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B. .

- Nguyên đơn anh T không đồng ý kháng cáo của anh V, đồng ý nội dung bản án sơ thẩm, không có ý kiến gì đối với kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Phần đất tranh chấp 38,5m² xác định là đất sông gạch do nhà nước quản lý không nằm trong thửa đất 367 của anh T và chị Th, trên đất có bờ kè do anh V và chị Th1 xây dựng. Theo qui định tại Điều 59 Luật đất đai 2013 không thuộc thẩm quyền giao đất của Ủy ban nhân dân xã T nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, không chấp nhận kháng cáo của anh V, sửa bản án sơ thẩm. Anh Vinh không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 31/07/2017 Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long nhận đơn kháng cáo của bị đơn Trần Thế V và ngày 02/08/2017 nhận quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B còn trong hạn luật định

là kháng cáo, kháng nghị hợp lệ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/5/2017 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường thị xã B xác định phần đất tranh chấp có diện tích 38,5m² có vị trí là đất sông nên không thuộc quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của anh T và anh V.

Tại công văn 435/UBND- NC 17/5/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã B và tại phiên tòa anh T và anh V thống nhất xác định phần đất tranh chấp 38,5m² thì anh T và anh V chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà do nhà nước quản lý.

Tại khoản 2 Điều 141 Luật đất đai 2013 qui định đất bãi bồi ven sông thuộc địa phận xã phường thị trấn nào thì do Ủy ban nhân dân cấp xã đó quản lý nên phần đất 38,5m² thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã T. Tuy nhiên thẩm quyền giao đất cho hộ gia đình hoặc cá nhân thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 luật đất đai 2013. Do vậy việc Ủy ban nhân dân xã T có ý kiến tạm giao phần đất 38,5m² cho hộ anh T sử dụng không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nào nhà nước có nhu cầu sử dụng thì hộ anh phải giao trả phần đất không bồi thường, hỗ trợ là không phù hợp.

Mặt khác, trên phần đất 38,5m² hiện tại do anh V đang sử dụng có xây dựng bờ kè. Ngày 08/01/2018 Ủy ban nhân dân xã B có công văn số 39/UBND-NC có nội dung: Ủy ban nhân dân xã T không có thẩm quyền giao đất, Anh V xây dựng bờ kè và bom cát không xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền nên tài sản tồn tại trên đất sẽ không được bồi thường, hỗ trợ theo qui định tại Điều 82 Luật đất đai 2013 ; Anh T và anh V không ai có đủ điều kiện để được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Từ những căn cứ nêu trên xét kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B về phần nội dung bản án là ghi nhận ý kiến của Ủy ban nhân dân xã T tạm giao phần đất tranh chấp có diện tích 38,5m² cho hộ anh Trần Phương Tùng là có căn cứ. Đối với kháng cáo của anh Vinh yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp diện tích 38,5m² là không phù hợp pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của anh Vinh, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất sửa án sơ thẩm.

[4] Về án phí : Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo là anh V không phải chịu án phí phúc thẩm và án phí sơ thẩm được xác định lại: Anh T phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm .

[5] Về chi phí khảo sát, định giá: Anh Trần Phương T phải nộp 1.971.800đ, được khấu trừ vào phiếu thu ngày 24/02/2017 là 2.000.000đ và phiếu hoàn lại tiền tạm ứng chi phí định giá ngày 19/7/2017 là 28.200đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không phải xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thế V Sửa bản án sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 19/07/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 59; 141; 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 148; 161 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Phương T và chị Nguyễn Thị Th đòi anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Phương Th1 trả lại phần đất có diện tích 38,5m² thuộc đất sông, tọa lạc tổ 10, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản:

Anh Trần Phương T phải nộp 1.971.800đ (một triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn tám trăm đồng) , được khấu trừ vào phiếu thu ngày 24/02/2017 là 2.000.000đ (hai triệu đồng) và phiếu hoàn lại tiền tạm ứng chi phí định giá ngày 19/7/2017 là 28.200đ (hai mươi tám ngàn hai trăm đồng). Anh T đã nộp đủ chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản.

3. Về án phí :

- Anh Trần Phương T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008444 ngày 07/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Anh Tùng đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Anh Trần Thế V không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Trần Thế V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008765 ngày 31/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTối Cao : 01;
- VKSNDTỉnh Vĩnh Long : 02;
- Tổ Nghiệp Vụ : 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND thị xã B ; 01;
- Chi cục THADS thị xã B; 01;
- Đ/s: 09;
- Lưu hồ sơ vụ án: 08.

Trần Thị Ngọc Dung